

Số: **06** /BC-UBND

Bình Định, ngày **21** tháng 01 năm 2019

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện Nghị Quyết số 35/NQ-CP ngày 18/3/2013
của Chính phủ và Chiến lược Bảo vệ môi trường quốc gia
đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030**

Thực hiện Văn bản số 6947/BTNMT-TCMT ngày 20/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 18/3/2013 và Chiến lược Bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Sau khi rà soát, tổng hợp, UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo như sau:

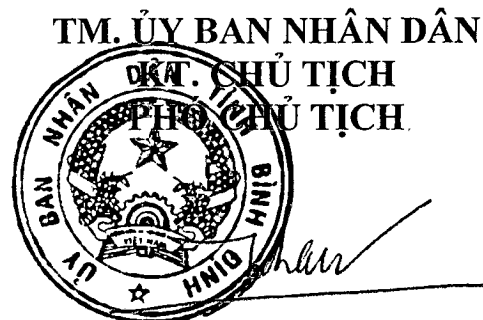
- Kết quả thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 18/3/2013 của Chính phủ (Chi tiết tại phụ lục 1 kèm theo).

- Kết quả thực hiện Chiến lược Bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (Chi tiết tại phụ lục 2 kèm theo).

UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường để xem xét, tổng hợp. /: *vlh*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng cục Môi trường;
- CT, PCT Trần Châu;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10 *hmer*



Trần Châu





KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 35/NQ-CP NGÀY 18/3/2013

(Kèm theo Báo cáo số 16/BC-UBND ngày 21/01/2019 của UBND tỉnh Bình Định)

I. CÔNG TÁC TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Tình hình phổ biến, quán triệt Nghị quyết và ban hành các Kế hoạch triển khai thực hiện

Thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 18/3/2013 của Chính phủ và Quyết định số 1287/QĐ-TTg ngày 02/8/2013 của Thủ tướng Chính phủ, trong thời gian qua, thông qua các đợt tập huấn, hội nghị, hội thảo ngành tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Định đã triển khai phổ biến và quán triệt nội dung của Nghị quyết; đồng thời, trong quá trình xây dựng Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ công tác hàng năm, UBND tỉnh Bình Định đã giao Sở Tài nguyên và Môi trường lồng ghép và dựa trên các tiêu chí Nghị quyết số 35/NQ-CP đề ra.

2. Tình hình thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp theo Quyết định số 1287/QĐ-TTg ngày 02/8/2013 của Thủ tướng Chính phủ

a) Chấn chỉnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; đẩy mạnh hoạt động kiểm tra, xác nhận sau thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Việc thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) được thực hiện thông qua hình thức Hội đồng và luôn nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thẩm định bằng việc mời các chuyên gia đầu ngành đối với dự án phức tạp về môi trường, tổ chức khảo sát thực tế tại các nhà máy có loại hình tương tự ở các tỉnh khác để học tập kinh nghiệm.

Trong hoạt động kiểm tra, xác nhận sau thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, hàng năm đều phân bổ kinh phí để thực hiện nhiệm vụ này. Qua đó, đôn đốc, hướng dẫn các chủ dự án thực hiện theo đúng quy định. Tỷ lệ các cơ sở được xác nhận có tăng dần so với các năm trước. Tính đến thời điểm hiện nay, tỷ lệ xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án đối với các dự án do UBND tỉnh Bình Định phê duyệt báo cáo ĐTM đạt khoảng 20% (16/88 hồ sơ).

b) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản:

Trong năm 2018, UBND tỉnh Bình Định đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường tăng cường kiểm tra hoạt động khai thác khoáng sản và công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản, đặc biệt là hoạt động khai thác cát và đá.

c) Công tác thu gom, xử lý bao bì thuốc trừ dịch hại, phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, chất thải trong nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản.

Trong năm 2018, triển khai nhiệm vụ “Xây dựng mô hình xử lý rác thải tại 02

xã xây dựng nông thôn mới”; trong đó, trang bị 10 bể thu gom bao bì, chai lọ thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng cho 02 xã Nhơn Hạnh và Nhơn Mỹ, thị xã An Nhơn và hỗ trợ chi phí để vận chuyển, xử lý hơn 800 kg bao bì, chai lọ thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng.

Đối với chất thải chăn nuôi, các cơ quan quản lý môi trường các cấp trong tỉnh cũng đã tiến hành nhiều đợt kiểm tra để nhắc nhở, hướng dẫn các cơ sở chăn nuôi thực hiện các thủ tục pháp lý về môi trường và thực hiện công tác xử lý chất thải. Sở Tài nguyên và Môi trường cũng đã hướng dẫn các huyện, các xã cách thức xử lý chất thải chăn nuôi thông qua việc hướng dẫn triển khai tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới. Đình chỉ 01 cơ sở chăn nuôi gây ô nhiễm môi trường, xử lý vi phạm 3 cơ sở chăn nuôi gây ô nhiễm.

Tổ chức tập huấn và thảo luận về công tác quản lý bao bì thuốc BVTV cho phòng chuyên môn cấp huyện và lãnh đạo UBND các xã trên địa bàn tỉnh.

d) Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cho các công trình xử lý rác thải, nước thải, hạ tầng kỹ thuật về môi trường.

- Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 07/4/2017 của Tỉnh ủy và Kế hoạch số 35/KH-UBND ngày 11/09/2017 của UBND tỉnh về việc Thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 07/4/2017 của Tỉnh ủy. Trong đó, đề ra các nhiệm vụ và tiến độ thực hiện việc xây dựng các Bãi chôn lấp/ nhà máy xử lý chất thải rắn sinh học và nước thải sinh hoạt đô thị của các địa phương trên địa bàn tỉnh.

- Đã ban hành các văn bản chỉ đạo các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050.

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Kết quả đạt được

1.1. Về tăng cường công tác bảo vệ môi trường tại các khu, cụm công nghiệp; nâng cao chất lượng thẩm định yêu cầu bảo vệ môi trường trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, dự án phát triển

Hiện nay, trên toàn tỉnh Bình Định có 01 Khu kinh tế Nhơn Hội (gồm 3 khu công nghiệp: khu A, khu B, khu C), 03 khu công nghiệp (Phú Tài, Long Mỹ, Nhơn Hòa) và 52 cụm công nghiệp (CCN) đã đi vào hoạt động.

Trong đó, 03 KCN Phú Tài, Long Mỹ và Nhơn Hòa đều đã có hệ thống xử lý nước thải tập trung đảm bảo đạt tiêu chuẩn quy định. Khu kinh tế Nhơn Hội đã vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý nước thải của 03 KCN A, B, C.

Có 07/52 CCN đã đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung, tuy nhiên, hiệu quả xử lý chưa cao vì hệ thống ít hoạt động do chưa thu gom triệt để nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt (lượng nước thải thu gom ít hơn so với công suất xử lý của hệ thống). Đối với các CCN chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung, phần lớn các cơ sở trong CCN tự xử lý nước thải và thải trực tiếp vào môi trường đất.

Năm 2018, đã tiến hành thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường tại một số cụm công nghiệp và các doanh nghiệp trong cụm công nghiệp. Qua đó, đã phát hiện một số đơn vị tại CCN Cát Trinh chưa thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường và đã tiến hành xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường với số tiền là: 442 triệu đồng.

1.2. Về chú trọng bảo vệ môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản

a. Công tác thanh tra, kiểm tra:

Trước khi cấp phép, các doanh nghiệp khai thác khoáng sản phải có hồ sơ môi trường (Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Kế hoạch bảo vệ môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường) được cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt. Đồng thời, trong quá trình hoạt động, UBND tỉnh Bình Định giao Sở Tài nguyên và Môi trường định kỳ hàng năm và đột xuất giám sát, kiểm tra hoạt động khai thác, nhắc nhở các đơn vị thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định. Tuy nhiên, khi hoạt động khai thác khoáng sản, một số doanh nghiệp không thực hiện đầy đủ các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường theo hồ sơ môi trường được duyệt nên vẫn còn xảy ra vấn đề ô nhiễm môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là hoạt động khai thác đá gây sa bồi diện tích đất canh tác, sạt lở vào mùa mưa. Do đó, Sở Tài nguyên và Môi trường đã quyết định xử phạt vi phạm hành chính 05 doanh nghiệp vi phạm trong công tác bảo vệ môi trường và hoạt động khai thác khoáng sản với tổng số tiền là 181 triệu đồng và yêu cầu 06 doanh nghiệp tạm dừng hoạt động khai thác đến khi hoàn thành công tác bảo vệ môi trường theo nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được UBND tỉnh phê duyệt.

Đồng thời, đối với các đơn vị đã hết thời hạn khai thác, giao Sở Tài nguyên và Môi trường yêu cầu các đơn vị lập hồ sơ đóng cửa mỏ và hoàn thổ, phục hồi môi trường theo quy định.

b. Công tác ký quỹ, Cải tạo phục hồi môi trường:

Tăng cường công tác xử lý tiền ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường còn nợ của các tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản; đặc biệt, xử lý theo kết luận số 3536/KL-TTCTP ngày 28/12/2012 của Thanh tra Chính phủ.

Theo thống kê, đến nay, có 164 tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản trong đó có 124 mỏ đang còn hạn khai thác (chủ yếu là khai thác đá và cát xây dựng). Có 141 mỏ khoáng sản các loại đã hết hạn và ngừng khai thác. Tổng số tiền ký quỹ được Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định quản lý gần 91,5 tỷ đồng.

Tiếp tục thẩm định các hồ sơ phương án cải tạo, phục hồi môi trường trên cơ sở xem xét tính đầy đủ các nội dung cải tạo, phục hồi môi trường và áp dụng các đơn giá tính toán theo quy định hiện hành, đảm bảo đủ kinh phí để thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường khi kết thúc dự án.

c. Công tác cải tạo, phục hồi môi trường:

Đối với các dự án khai thác khoáng sản (khai thác cát, đất, đá) đang trong thời gian khai thác theo Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc đang làm thủ tục (thăm dò nâng cấp trữ lượng theo quy định) để xin cấp phép mới trên diện tích cũ đã khai thác nên các đơn vị chưa triển khai tiến hành cải tạo, phục hồi môi trường.

Đối với các dự án titan do UBND tỉnh cấp phép: Hiện nay, phần lớn diện tích đã khai thác titan của các doanh nghiệp thuộc diện tích đất quy hoạch nuôi tôm công nghệ cao theo Quyết định số 2327/QĐ-UBND ngày 30/6/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển thủy sản tỉnh Bình Định đến năm 2020 và tầm nhìn 2030, diện tích 460 ha. Do vậy, UBND tỉnh đã ban hành Văn bản số 4753/UBND-KT ngày 05/9/2017 về việc cải tạo, phục hồi môi trường sau khai thác titan tại xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ chỉ đạo các đơn vị khai thác titan thuộc quy hoạch nuôi tôm nộp bổ sung số tiền cải tạo, phục hồi môi trường vào ngân sách tỉnh. Riêng đối với khu vực khai thác titan tại xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ của Công ty cổ phần Kim Triều, đến nay, UBND huyện Phù Mỹ đã thực hiện việc san gạt mặt bằng theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 1241/UBND-KT ngày 16/3/2018 và đang hoàn tất các thủ tục quyết toán kinh phí theo quy định.

1.3. Về khắc phục tình trạng ô nhiễm, cải thiện môi trường nông thôn, làng nghề

- Chỉ đạo các sở, ban, ngành và các địa phương tổ chức thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến quản lý chất thải rắn khu vực nông thôn và chỉ đạo các địa phương khẩn trương thực hiện xây dựng Đề án tăng cường năng lực thu gom rác thải tại khu vực nông thôn. Nhìn chung, đến thời điểm hiện nay vấn đề xử lý chất thải rắn khu vực nông thôn dừng lại ở các mô hình thí điểm, chưa được triển khai nhân rộng nên ô nhiễm môi trường do rác thải sinh hoạt vẫn còn.

- Năm 2018, Sở Tài nguyên và Môi trường đã triển khai đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung tại làng nghề sản xuất bún tươi thôn Ngãi Chánh, xã Nhơn Hậu, thị xã An Nhơn. UBND tỉnh đã chấp thuận chủ trương đầu tư hệ thống xử lý nước thải tại Làng nghề chế biến cá cơm tại xã Mỹ An, huyện Phù Mỹ.

- UBND huyện Tây Sơn, Phù Cát và thị xã An Nhơn đã lập và phê duyệt 12 phương án Bảo vệ môi trường làng nghề.

- UBND tỉnh Bình Định đã ban hành Quyết định số 4460/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 về Quy hoạch phát triển làng nghề tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; tính đến ngày 31/5/2018 trên địa bàn tỉnh Bình Định có 67 làng nghề. Trong năm 2018, giao Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành Điều tra phân loại một số làng nghề trên địa bàn tỉnh theo hướng dẫn tại Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (gọi tắt là Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT).

- Đối với việc kiểm tra và xử lý nghiêm các cơ sở sản xuất hoạt động dưới danh nghĩa làng nghề để gia công, sản xuất các sản phẩm gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng: hàng năm đều có kiểm tra tại các làng nghề và hiện nay trên địa bàn tỉnh còn hoạt động sản xuất chế biến tinh bột mì tại xã Bình Tân, huyện Tây Sơn gây ô nhiễm nghiêm trọng.

- Đối với việc điều tra, xác định các khu vực bị ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và xây dựng lộ trình xử lý: hiện nay trên địa bàn tỉnh chưa phát hiện khu vực nào bị ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

- Đối với việc kiểm soát sử dụng hóa chất nông nghiệp, thu gom, xử lý bao bì thuốc trừ dịch hại, phân bón, thức ăn chăn nuôi, hiện nay UBND các huyện và các sở ngành liên quan đang thực hiện các nội dung theo yêu cầu của Chỉ thị số 12/CT-UBND ngày 20/7/2017 của UBND tỉnh về tăng cường bảo vệ môi trường khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh,...

- UBND tỉnh và các ngành, địa phương đã đình chỉ hoạt động của 08 cơ sở sản xuất kinh doanh gây ô nhiễm môi trường và 3 khu vực khai thác khoáng sản gây suy thoái môi trường (Núi Hòn Chà, Núi Bà, Núi Chùa) cho đến khi khắc phục xong vấn đề môi trường.

1.4. Về khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường tại các thành phố lớn và các lưu vực sông

- Hiện nay trên địa bàn thành phố Quy Nhơn được UBND tỉnh Bình Định chú trọng đầu tư công tác thu gom, xử lý chất thải. Đối với chất thải rắn sinh hoạt, đã đầu tư xây dựng bãi chôn lấp hợp vệ sinh tại Khu xử lý chất thải rắn Long Mỹ, tỷ lệ thu gom đạt khoảng 97%.

- Đối với nước thải sinh hoạt, đã đầu tư 02 Nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt tập trung (tổng công suất 16.350 m³/ngày đêm), tỷ lệ thu gom đạt khoảng 30%.

- Các công trình này được thực hiện bởi dự án Vệ sinh môi trường thành phố Quy Nhơn, hiện nay dự án Môi trường bền vững đang mở rộng phạm vi thu gom nước thải và nâng công suất Nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt tập trung thêm 14.000 m³/ngày đêm góp phần giảm thiểu ô nhiễm đáng kể cho thành phố Quy Nhơn.

- Đối với việc di dời cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng ra khỏi các đô thị, khu dân cư tập trung: hiện nay trên địa bàn tỉnh Bình Định các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trong khu dân cư đều đã xử lý triệt để. Chỉ còn lại các cơ sở xa khu dân cư, tại các khu vực được quy hoạch sản xuất, dịch vụ.

- Nhằm tăng cường quản lý, sử dụng số liệu quan trắc, trong năm vừa qua, tỉnh đã hoàn thành xây dựng phần mềm cơ sở dữ liệu về quan trắc môi trường và hệ thống quản lý dữ liệu quan trắc tự động các nguồn thải.

1.5. Về kiểm soát chặt chẽ hoạt động nhập khẩu phế liệu

Tính đến thời điểm hiện nay, trên địa bàn tỉnh Bình Định không có tổ chức/cá nhân được cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất. Nhằm tăng cường công tác quản lý đối với hoạt động nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu hoạt động nhập khẩu phế liệu, UBND tỉnh Bình Định ban hành Văn bản số 8116/UBND-KT ngày 28/12/2018; trong đó, quy định rõ trách nhiệm các sở, ban, ngành và địa phương trong hoạt động nhập khẩu phế liệu.

1.6. Về ngăn chặn sự suy thoái của các hệ sinh thái, suy giảm các loài

- Tiếp tục hoàn thiện và tổ chức thực hiện cơ chế chi trả dịch vụ môi trường rừng.

- Tiếp tục triển khai Quyết định số 314/QĐ-CTUBND ngày 12/7/2010 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch Hành động về bảo vệ Đa dạng sinh học tỉnh

Bình Định đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020. Hiện tỉnh đang triển khai Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Bình Định giai đoạn 2015-2020 và định hướng đến năm 2030.

- Tăng cường công tác phối hợp kiểm tra, xử lý hoạt động vận chuyển, tiêu thụ trái phép các loài được ưu tiên bảo vệ. Đồng thời UBND tỉnh đã ban hành Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 07/5/2014 về việc tăng cường chỉ đạo thực hiện các biện pháp kiểm soát, bảo tồn các loài động vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm trên địa bàn tỉnh Bình Định. Đồng thời, nhằm bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh, trong những năm qua, tỉnh đã triển khai nhiều chương trình, đề tài, dự án như Chương trình Bảo tồn rùa biển, các dự án về bảo vệ hệ sinh thái ven bờ (rạn san hô, rừng ngập mặn).

1.7. Về nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường

- Trong thời gian qua, công tác quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Định được tăng cường và triển khai thực hiện bằng nhiều hình thức như: Ban hành các quy định, hướng dẫn triển khai các Nghị định, Thông tư về bảo vệ môi trường ban hành; tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường; thanh tra, kiểm tra, kiểm soát ô nhiễm; quan trắc, giám sát chất lượng môi trường trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn, đôn đốc các cơ sở lập hồ sơ, thủ tục môi trường và tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Tỉnh ủy, UBND tỉnh Bình Định quan tâm, chỉ đạo chặt chẽ trong công tác bảo vệ môi trường thông qua việc ban hành văn bản, quy định về BVMT như: Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 07/4/2017 của Tỉnh ủy về tăng cường công tác BVMT trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030; UBND tỉnh Bình Định ban hành Kế hoạch số 35/KH-UBND ngày 11/9/2017 về việc thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 07/4/2017 của Tỉnh ủy; Trong đó đề ra lộ trình, nhiệm vụ cụ thể trong công tác bảo vệ môi trường cho từng giai đoạn. Đây là căn cứ cho các sở, ban, ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh xây dựng Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ hàng năm; Quyết định số 22/2016/QĐ-UBND ngày 06/4/2016 của UBND tỉnh về Quy định phân vùng phát thải khí thải và xả nước thải trên địa bàn tỉnh, giai đoạn từ năm 2016-2020, cụ thể quy chuẩn xả thải khí thải và nước thải tại một số vị trí trên địa bàn tỉnh. Kế hoạch số 65/KH-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch hành động khắc phục hậu quả chất độc hóa học/dioxin trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2016 – 2020; Quyết định số 1047/QĐ-UBND ngày 27/3/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025; Quyết định số 4906/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch Đa dạng sinh học tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 4848/QĐ-UBND ngày 27/12/2017 của UBND tỉnh về phê duyệt Quy hoạch mạng lưới quan trắc môi trường tỉnh Bình Định đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030; Chỉ thị số 12/CT-UBND ngày 12/7/2017 của UBND tỉnh về tăng cường công tác bảo vệ môi trường nông thôn trên địa bàn tỉnh;... Trên cơ sở các quyết định, nhiệm vụ nêu trên, UBND tỉnh Bình Định đã chuẩn hóa một số nội dung trong công tác bảo vệ môi trường như: quy chuẩn xả thải, thu gom và xử lý chất thải y tế nguy hại, bảo tồn đa dạng sinh học, phòng ngừa và diệt trừ sinh vật

ngoại lai nguy hại;... đồng thời, phân công nhiệm vụ cho các sở, ngành, địa phương triển khai thực hiện.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

2.1. Các khó khăn, hạn chế

2.1.1. Về cơ chế, chính sách:

- Luật BVMT không đề cập đến việc ủy quyền quản lý, phân công trách nhiệm quản lý chất thải nguy hại cho các cơ quan có thẩm quyền khác ngoài Sở Tài nguyên và Môi trường (Ban quản lý KKT, KCN, UBND huyện, xã...).

- Luật BVMT quy định Trách nhiệm của chủ đầu tư trước khi đưa dự án vào vận hành là sau khi cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường (đối với các dự án phải xác nhận hoàn thành). Việc này đồng nghĩa chủ đầu tư được phép hoạt động dự án và được xả thải chất thải sau xử lý ra môi trường theo nội dung báo cáo ĐTM được duyệt. Tuy nhiên, theo Luật Tài nguyên nước yêu cầu chủ đầu tư phải tiếp tục xin cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn tiếp nhận nước thải (đối với dự án có nước thải) dẫn đến thực tế có trường hợp nguồn tiếp nhận nước thải không còn khả năng tiếp nhận nên phải điều chỉnh lại tiêu chuẩn xả thải trong Giấy phép xả thải khác so với tiêu chuẩn xả thải trong báo cáo ĐTM đã phê duyệt.

- Thông tư số 43/2015/TT-BTNMT ngày 29/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về báo cáo hiện trạng môi trường, bộ chỉ thị môi trường và quản lý số liệu quan trắc môi trường quy định chưa hợp lý tại Khoản 1, Điều 22: Cấu trúc nội dung báo cáo số liệu quan trắc môi trường của cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ. Vì cấu trúc của báo cáo có một số nội dung như: danh mục thiết bị quan trắc và thiết bị phòng thí nghiệm, phương pháp lấy mẫu, bảo quản và vận chuyển mẫu, phương pháp lấy mẫu hiện trường, danh mục phương pháp đo tại hiện trường, công tác QA/QC trong quan trắc,... khó thực hiện và không cần thiết cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh. Đồng thời, quy định cơ sở sản xuất kinh doanh phải báo cáo kết quả quan trắc 04 lần/năm và Sở Tài nguyên và Môi trường phải xác nhận theo Thông tư số 43/2015/TT-BTNMT gây tốn nhiều thời gian và báo cáo kết quả quan trắc chỉ mang tính chất tham khảo, không thể đánh giá tình hình bảo vệ môi trường tại doanh nghiệp.

- Bộ Tài nguyên và Môi trường chưa ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thay thế TCVN 7222:2002 đối với các trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung nên khó áp dụng quy chuẩn xả thải đối với các dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật khu dân cư.

- Về công tác quản lý: Quản lý chất thải khu vực nông thôn (Chất thải trong chăn nuôi, sản xuất nông nghiệp, làng nghề,..) chưa tốt, còn nhiều bất cập, hạn chế; hầu hết các làng nghề chưa có hồ sơ môi trường cũng như các giải pháp bảo vệ môi trường theo quy định; quản lý đa dạng sinh học chưa được triển khai sâu rộng, còn nhiều bất cập, chông chéo giữa ngành Nông nghiệp với Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ sở hạ tầng kỹ thuật về BVMT ở một số đô thị, khu dân cư tập trung, các khu, cụm công nghiệp, làng nghề truyền thống chưa được đầu tư xây dựng đồng bộ hoặc có nhưng chưa đáp ứng yêu cầu.

- Chưa có quy định về tiêu chuẩn nước thải sau xử lý được tái sử dụng cho tưới cây. Hiện nay áp dụng QCVN08:2015 là chưa phù hợp.

2.1.2. Về phân cấp quản lý và triển khai nhiệm vụ:

- Hiệu quả và hiệu lực quản lý, kiểm soát ô nhiễm chưa cao. Việc phân cấp quản lý môi trường còn chồng chéo, không đồng bộ. Việc quản lý, kiểm tra vẫn chưa bao quát hết các cơ sở sản xuất kinh doanh trên toàn địa bàn, chủ yếu tập trung các cơ sở có quy mô lớn; những cơ sở quy mô nhỏ lẻ, hộ gia đình, hoạt động chăn nuôi,... chưa được kiểm soát, nhiều cơ sở đã đi vào hoạt động nhưng chưa có hồ sơ môi trường. Trong khi đó, các cơ sở này chiếm số lượng lớn, phân bố trên diện rộng, nên nguồn ô nhiễm cũng phân bố rộng, gây ô nhiễm nhưng khó kiểm soát, xử lý. Công tác xử lý ô nhiễm tại các làng nghề chưa được triển khai triệt để. Việc xử phạt các cơ sở vi phạm vẫn chưa quyết liệt, chưa đồng bộ nên việc khắc phục, xử lý ô nhiễm của các cơ sở vi phạm vẫn còn kéo dài và không triệt để.

- Tỷ lệ thu gom CTRSH đạt rất thấp ở khu vực nông thôn, gây ô nhiễm môi trường, tạo ra nhiều điểm nóng do nhiều nguyên nhân: Một số huyện chưa triển khai đồng bộ hoạt động thu gom CTR trên địa bàn, chưa xác định địa điểm và xây dựng các khu vực trung chuyển CTRSH; nhiều xã chưa tổ chức hoạt động thu gom (trực tiếp thực hiện hoặc giao cho các đơn vị dịch vụ thực hiện); Địa bàn nông thôn rộng, dân cư phân tán, nhiều tuyến giao thông nhỏ hẹp,... nên khó khăn cho hoạt động thu gom; Người dân nông thôn còn hạn chế về ý thức vệ sinh môi trường, có đất rộng nên tự xử lý (chôn, đốt) trong vườn nhà hoặc vứt ra nơi công cộng, không hợp tác trong việc đóng phí rác thải.

2.1.3. Kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường

Nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường được phân bổ cho các huyện, thị xã, thành phố để sử dụng chủ yếu cho hoạt động thu gom, xử lý rác thải, trồng cây xanh, truyền thông nâng cao nhận thức về môi trường,... Tuy nhiên, do nguồn kinh phí hạn chế nên các địa phương chưa chú trọng các nội dung như đánh giá hiện trạng ô nhiễm, nghiên cứu ứng dụng xử lý ô nhiễm môi trường, hỗ trợ sản xuất sạch hơn,...

Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định là được thành lập nhằm hỗ trợ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ vay ưu đãi để thực hiện công tác bảo vệ môi trường tại Doanh nghiệp hoặc đầu tư trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, đến nay việc triển khai còn nhiều hạn chế, số lượng doanh nghiệp tham gia vay vốn còn ít.

2.2. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

- Nguyên nhân khách quan

Nhiều văn bản hướng dẫn dưới Luật chưa kịp thời, cụ thể; một số lĩnh vực thiếu các văn bản quy định và hướng dẫn nên đôi lúc triển khai công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường gặp khó khăn.

Nguồn kinh phí phục vụ cho công tác bảo vệ môi trường ở cấp địa phương còn thiếu, chưa đáp ứng so với nhiệm vụ bảo vệ môi trường ngày càng mở rộng.

- Nguyên nhân chủ quan

Công tác BVMT đã được phân cấp và quy định rõ trách nhiệm của từng ngành, từng cấp tại Luật BVMT và Quy chế BVMT của tỉnh, nhưng một số ngành, địa phương vẫn tồn tại sự thiếu quyết liệt trong việc chỉ đạo công tác bảo vệ môi trường, chưa quan tâm lồng ghép yêu cầu BVMT trong quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực.

Sự phối hợp công tác giữa các ban ngành, địa phương trong công tác QLNN về môi trường còn nhiều hạn chế.

Đội ngũ cán bộ quản lý môi trường các cấp còn thiếu, năng lực chuyên môn ở một số lĩnh vực còn hạn chế, ở cấp xã chưa bố trí cán bộ chuyên trách công tác quản lý môi trường nên chưa đáp ứng được yêu cầu trong việc tham mưu cho cấp uỷ, chính quyền địa phương về bảo vệ môi trường.

Công tác bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm trực tiếp của các địa phương và các ngành. Tuy nhiên, nhiều ngành, nhiều địa phương coi đây là nhiệm vụ của ngành tài nguyên môi trường nên chưa chú trọng thực hiện (ví dụ: bảo vệ môi trường trong chăn nuôi; thu gom bao bì thuốc bảo vệ thực vật; thu gom và xử lý rác thải tại các xã;...).

III. GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ

1. Các giải pháp

a) Về cơ cấu tổ chức quản lý môi trường

- Kiện toàn bộ máy cán bộ quản lý môi trường ở cấp tỉnh, huyện, xã theo đúng quy định hiện hành;

- Tăng cường đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ và kinh phí phục vụ các hoạt động thanh tra, kiểm soát ô nhiễm môi trường, thực hiện nhiệm vụ theo phân cấp.

b) Về mặt chính sách, thể chế, luật pháp liên quan lĩnh vực bảo vệ môi trường

Ban hành Chính sách hỗ trợ các đơn vị thu gom rác thải trên địa bàn (các đơn vị tư nhân); Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia vận chuyển, xử lý CTRSH và các dịch vụ môi trường khác.

Triển khai thực hiện cơ chế đấu thầu, đặt hàng đối với các nhiệm vụ công ích về BVMT; tiến tới nhân rộng cho mô hình thu gom rác tại các thị trấn, nhằm giảm áp lực về ngân sách nhà nước, để tập trung cho việc thu gom, xử lý rác khu vực nông thôn.

Tăng cường công tác kiểm tra, xử lý các vi phạm, kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm. Hàng năm tiến hành lập danh sách các cơ sở gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, đồng thời công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh.

Phân cấp cụ thể cho từng địa phương, từng ngành trong công tác bảo vệ môi trường; đồng thời, xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ để giải quyết vấn đề môi trường còn tồn đọng và định hướng quản lý bền vững.

Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, vận động nhân dân thực hiện nếp sống văn hóa thân thiện với môi trường, tự giác chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Tuyên truyền, vận động người dân không vứt rác bừa bãi, vận động người dân tham gia mạng lưới thu gom rác và đóng phí vệ sinh đầy đủ.

c) Về mặt tài chính, đầu tư cho bảo vệ môi trường

Tiếp tục duy trì và tăng dần tỷ lệ ngân sách nhà nước dành cho hoạt động bảo vệ môi trường. Hướng dẫn, kiểm tra việc phân bổ và sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường tại các huyện, thị xã, thành phố đảm bảo đúng mục đích, hiệu quả.

Đẩy mạnh đầu tư hạ tầng về bảo vệ môi trường nhất là những khu vực ô nhiễm như làng nghề, cơ sở gây ô nhiễm nghiêm trọng thuộc khu vực công ích, các công trình hạ tầng như bãi chôn lấp tại các huyện; xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải đô thị tập trung tại khu vực đô thị.

Kiện toàn Quỹ Bảo vệ môi trường về nhân lực cũng như chính sách ưu đãi để tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân tiếp cận nguồn vốn đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường.

Tăng cường hợp tác quốc tế và tranh thủ sự hỗ trợ về môi trường của các tổ chức quốc tế, các quốc gia khác.

2. Các kiến nghị Chính phủ và Bộ, ngành Trung ương

- Tăng cường phân cấp trong quản lý môi trường cho cấp tỉnh để tăng quyền hạn và trách nhiệm. Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng chính sách, pháp luật và kiểm tra thực thi.

- Ban hành đồng bộ hệ thống Quy chuẩn Việt Nam đối với các ngành, các lĩnh vực; chính sách khuyến khích sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên khoáng sản, khai thác bền vững nguồn tài nguyên khoáng sản. Ban hành các quy định về khoảng cách môi trường đối với các cơ sở sản xuất. Sửa đổi Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 7222:2002; Quy chuẩn 62-MT:2016/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi theo hướng quy định tất cả các cơ sở chăn nuôi (hoặc từ 10 con trở lên) đều phải tuân thủ quy định kỹ thuật về giá trị tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải chăn nuôi như tại mục 2.1 của Quy chuẩn 62-MT:2016/BTNMT; Thông tư 43/2015/TT-BTNMT về báo cáo hiện trạng môi trường, bộ chỉ thị môi trường và quản lý số liệu quan trắc môi trường theo hướng thuận lợi cho doanh nghiệp có thể tự thực hiện. Đồng thời, bỏ nội dung Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận của doanh nghiệp thực hiện báo cáo kết quả quan trắc.

- Chỉ đạo các Bộ, ngành xây dựng chính sách hỗ trợ kinh phí cho các cơ sở xây dựng hệ thống xử lý chất thải để phát triển ngành (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương...).

- Ban hành chính sách khuyến khích sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, tiết kiệm năng lượng, đặc biệt tại các tòa nhà cao tầng mới xây dựng; chính sách khuyến khích tái sử dụng, tái chế chất thải rắn.

- Hỗ trợ, tăng cường năng lực, kinh phí và trang bị các phương tiện kỹ thuật cần thiết phòng ngừa, ứng cứu sự cố môi trường, đặc biệt là sự cố tràn dầu, sự cố hóa chất, vấn đề môi trường tại các làng nghề truyền thống (tinh bột sắn, tái chế đúc kim loại, chế biến nước mắm,...).

- Quy định cụ thể việc thẩm định công nghệ sản xuất đối với một số ngành nghề đặc trưng có khả năng gây ô nhiễm.

- Ban hành hướng dẫn đánh giá tác động môi trường đối với một số loại hình sản xuất mới hiện nay (ví dụ: dự án điện mặt trời, điện gió, dự án có lấn biển...).

- Thường xuyên phổ biến, hướng dẫn địa phương các công nghệ sản xuất sạch hơn và công nghệ xử lý chất thải hiện đại, hiệu quả.

- Thống nhất việc thẩm định đánh giá tác động môi trường và thẩm định báo cáo xả thải vào nguồn nước thành một mối để đồng bộ và tăng hiệu quả của cấp phép xả thải.

- Tăng cường công tác kiểm tra về BVMT đối với các dự án, cơ sở do Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định báo cáo ĐTM, dự án cải tạo phục hồi môi trường nhằm đảm bảo trách nhiệm thực hiện của chủ cơ sở, đặc biệt với các chủ xử lý chất thải nguy hại.

- Việc triển khai thực hiện các nội dung theo quy định của Luật Đa dạng sinh học gặp rất khó khăn trong (cả cấp tỉnh và cấp huyện). Việc tổ chức thống nhất quản lý giữa các ngành (Tài nguyên và Môi trường; Nông nghiệp&PTNT) rất bất cập; đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường có ý kiến với Chính phủ về vấn đề này để địa phương triển khai Luật đa dạng sinh học theo quy định.



**PHỤ LỤC 2 KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA ĐẾN NĂM 2020,
TĂNG NHỊP ĐẾN NĂM 2030**

(Kèm theo Báo cáo số 06/BC-UBND ngày 21/01/2019 của UBND tỉnh Bình Định)



I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Chương trình, dự án, đề án ưu tiên theo từng nhóm nội dung

1.1. Phòng ngừa, ngăn chặn việc phát sinh các nguồn gây ô nhiễm môi trường, khu vực ô nhiễm môi trường

Công tác ứng phó, khắc phục sự cố môi trường do thiên tai, lũ lụt đều được chính quyền quan tâm như kiện toàn Ban Chỉ huy PCLB-TKCN tỉnh và thường xuyên kiện toàn Ban chỉ huy PCLB-TKCN của các sở, ngành địa phương, chuẩn bị đầy đủ lực lượng, phương tiện, vật tư để sẵn sàng làm tốt công tác ứng phó. Đối với sự cố tràn dầu, mặc dù năng lực ứng phó sự cố tràn dầu của tỉnh còn hạn chế, nhưng nhờ sự nỗ lực của tỉnh và sự hỗ trợ kịp thời của các cơ quan trung ương nên hầu hết các sự cố tràn dầu trên địa bàn tỉnh được kiểm soát, hạn chế thấp nhất các thiệt hại gây ra. Đồng thời tỉnh Bình Định đã ban hành Kế hoạch Ứng phó sự cố tràn dầu trên địa bàn tỉnh và được Ủy ban Quốc gia tìm kiếm cứu nạn phê duyệt để chủ động ứng phó sự cố nhằm giảm thiểu các thiệt hại do sự cố tràn dầu gây ra.

Hàng năm, việc triển khai kế hoạch quan trắc hiện trạng môi trường trên địa bàn tỉnh ngày càng được quan tâm với tổng số điểm quan trắc là 151 điểm. Ban hành Quy hoạch mạng lưới quan trắc trên địa bàn tỉnh, trong đó rà soát và xây dựng hệ thống mạng lưới quan trắc môi trường phù hợp sự phát triển KT-XH giai đoạn 2016-2020 theo đó, tiến hành bổ sung và hoàn thiện mạng lưới các điểm quan trắc, phù hợp với tiến độ phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, chú trọng các khu vực nhạy cảm và các điểm nóng về môi trường.

Công tác lắp đặt trạm quan trắc tự động nguồn thải đã được triển khai, hiện nay trên địa bàn tỉnh có 02 đơn vị đã lắp đặt trạm quan trắc tự động nước thải là hệ thống xử lý nước thải của Khu kinh tế Nhơn Hội và hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Phú Tài, tuy nhiên, hiện mới chỉ có trạm của Khu Kinh tế Nhơn Hội đã truyền được dữ liệu quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường.

1.2. Khẩn trương ban hành và đẩy nhanh tiến độ thực hiện kế hoạch xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng giai đoạn 2012-2020

Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra về môi trường đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh đang hoạt động. Đồng thời, đã tiến hành xử lý đối với các cơ sở có vi phạm nghiêm trọng hoặc cố tình vi phạm nhiều lần về công tác BVMT. Tuy nhiên, tổng số vụ vi phạm được xử lý còn thấp so với tình hình vi phạm về bảo vệ môi trường trên địa bàn.

Theo Quyết định số 1788/QĐ-TTg ngày 01/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đến năm 2020; trong đó Bình Định có 03 cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng là Khu chế biến thủy sản tập trung Tam Quan Bắc, thôn

Thiện Chánh 1, xã Tam Quan Bắc, huyện Hoài Nhơn có tiến độ xử lý đến năm 2020 và Bãi rác núi Bà Hòa, phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn và Bệnh viện đa khoa khu vực Bồng Sơn, huyện Hoài Nhơn thuộc Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg có tiến độ xử lý đến năm 2015.

Năm 2015, Khu chế biến thủy sản tập trung Tam Quan Bắc đã đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung, khắc phục ô nhiễm và đã được chứng nhận hoàn thành xử lý ô nhiễm triệt để. Đối với 2 cơ sở còn lại đã khắc phục ô nhiễm nhưng do vướng thủ tục xác nhận hoàn thành.

1.3. Nhóm nội dung, biện pháp hướng tới mục tiêu giải quyết cơ bản các vấn đề môi trường tại các khu công nghiệp, lưu vực sông, làng nghề và vệ sinh môi trường nông thôn

Đối với các khu, cụm công nghiệp, hiện nay tất cả các khu công nghiệp và 7/52 cụm công nghiệp đang hoạt động đều đã có hệ thống xử lý nước thải. Còn lại một số cụm công nghiệp chưa được đầu tư vì khó khăn về kinh phí; tuy nhiên, tại các cụm chưa có hệ thống xử lý nước thải này có lượng nước thải sản xuất rất ít.

Đối với khu vực nông thôn, tỉnh đẩy mạnh công tác hướng dẫn, kiểm tra chính quyền các xã trong việc thực hiện tiêu chí môi trường trong Chương trình xây dựng nông thôn mới. Tỉnh cũng tăng cường bố trí kinh phí cho các xã thực hiện công tác thu gom rác thải, vệ sinh môi trường. Đối với công tác kiểm soát ô nhiễm từ sản xuất nông nghiệp, UBND tỉnh Bình Định đã ban hành Chỉ thị số 12/CT-UBND ngày 20/7/2017 về tăng cường bảo vệ môi trường nông thôn trên địa bàn tỉnh, trong đó chỉ đạo các sở, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã tập trung công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động trồng trọt, hoạt động chăn nuôi và quản lý rác thải. Cụ thể giao các sở, ngành hướng dẫn các biện pháp bảo vệ môi trường, xử lý chất thải trong hoạt động chăn nuôi, các mô hình thu gom, vận chuyển, xử lý bao bì thuốc BVTV sau sử dụng, các mô hình thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với khu vực nông thôn, tập huấn việc sử dụng thuốc BVTV, thu gom bao bì thuốc BVTV sau sử dụng; sử dụng phân bón đúng quy định và cách thức quản lý dịch bệnh, sâu hại trên cây trồng, phổ biến, hướng dẫn quy trình chăn nuôi an toàn sinh học; thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về sản xuất, kinh doanh, sử dụng thuốc BVTV, phân bón hóa học, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch chăn nuôi trên địa bàn tỉnh; nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp sạch; UBND các huyện, thị xã, thành phố quy hoạch mạng lưới thu gom, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt tại các xã; UBND cấp xã triển khai thu gom bao gói thuốc BVTV sau sử dụng trên địa bàn.

1.4. Nhóm nội dung, biện pháp hướng tới mục tiêu nâng tỷ lệ khu đô thị, khu, cụm công nghiệp, khu chế xuất có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt yêu cầu

Đã xây dựng hoàn thiện hệ thống quản lý hệ thống quản lý dữ liệu quan trắc tự động các nguồn thải, hiện nay đang triển khai kết nối dữ liệu với đơn vị có trạm quan trắc tự động trên địa bàn tỉnh.

Chỉ đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố rà soát, phân loại và xây dựng hệ thống xử lý nước thải tại các cụm công nghiệp đến năm 2020, tất cả các cụm

công nghiệp phát sinh nước thải (trên 100 m³/ngày.đêm) phải có hệ thống xử lý nước thải; các cụm công nghiệp còn lại phải có giải pháp quản lý phù hợp theo nhiệm vụ đã được UBND tỉnh giao tại Kế hoạch số 35/KH-UBND.

1.5. Nhóm nội dung, biện pháp hướng tới mục tiêu cải thiện chất lượng môi trường không khí trong các đô thị, khu dân cư

Đối với việc kiểm soát chất lượng không khí ở khu vực đô thị, thành phố, có mật độ dân cư cao, hiện nay chất lượng môi trường không khí trên địa bàn tỉnh vẫn khá tốt, ngoại trừ một số cơ sở chế biến lâm sản trong hoạt động có gây ảnh hưởng đến khu vực dân cư lân cận. Bên cạnh đó, tỉnh cũng tăng cường diện tích cây xanh đô thị qua việc tăng diện tích công viên, diện tích cây xanh tại các khu đô thị mới,....

2. Về chương trình, dự án, đề án ưu tiên thuộc trách nhiệm của các Bộ, ngành liên quan: không có

3. Về thực hiện 46 tiêu chí quy định trong Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia

3.1. Nhóm 15 chỉ tiêu về giảm cơ bản các nguồn gây ô nhiễm môi trường:

- Tỷ lệ cơ sở hiện đang gây ô nhiễm môi trường được chứng nhận hoàn thành xử lý: đạt 0%.

- Tỷ lệ khu công nghiệp đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường (đến năm 2020): đạt 100 %

3.2. Nhóm 08 chỉ tiêu về khắc phục, cải tạo môi trường các khu vực bị ô nhiễm, suy thoái, cải thiện đời sống nhân dân

- Tỷ lệ diện tích đất bị nhiễm độc, tồn dư dioxin, hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, các chất gây ô nhiễm được xử lý, cải tạo: hiện nay, tỉnh không còn khu vực bị nhiễm dioxin, hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, các chất gây ô nhiễm được xử lý, cải tạo.

- Hàm lượng các chất độc hại trong không khí ở đô thị, khu dân cư: đạt tiêu chuẩn.

3.3. Nhóm 18 chỉ tiêu về giảm nhẹ mức độ suy thoái, cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên, kiểm chế tốc độ suy giảm đa dạng sinh học: Không

II. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Các tồn tại, hạn chế

- Công tác dự báo và cảnh báo ô nhiễm môi trường còn nhiều hạn chế.

- Quy định về chứng nhận các cơ sở gây ô nhiễm hoàn thành xử lý triệt để ô nhiễm theo Quyết định số 10/QĐ-BTNMT ngày 21/8/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chứng nhận cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đã hoàn thành xử lý triệt để theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đã hết hiệu lực. Chưa quy định chứng nhận hoàn thành xử lý ô nhiễm đối với các đối tượng không nằm trong Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg.

- Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT ngày 28/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định đề án bảo vệ môi trường chi tiết, đề án bảo vệ môi trường đơn giản áp dụng cho các đối tượng cơ sở đã đi vào hoạt động trước ngày 01/4/2015, hiện nay đã hết hiệu lực; trong khi đó các đối tượng đã đi vào hoạt động sau ngày 01/4/2015 hiện chưa có văn bản hướng dẫn cho việc lập hồ sơ môi trường.

- Việc lập hồ sơ môi trường chưa được hướng dẫn cụ thể đối với các đối tượng có nhiều dự án: dự án vừa đi vào hoạt động trước ngày 01/4/2015 và dự án chưa đi vào hoạt động.

- Công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực môi trường đã được tăng cường nhưng chưa được thường xuyên, liên tục, đặc biệt ở cấp huyện, xã; các Doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh hầu hết ở quy mô vừa và nhỏ, trong khi đó mức xử phạt vi phạm hành chính theo Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường có mức phạt rất cao, nên các đơn vị chưa thực sự mạnh tay trong việc xử lý vi phạm.

- Chưa phát huy triệt để sự tham gia của cộng đồng và các tổ chức xã hội trong công tác theo dõi, giám sát và tố giác các cơ sở gây ô nhiễm môi trường. Do đó, kết quả xử lý, khắc phục ô nhiễm môi trường của các cơ sở gây ô nhiễm môi trường vẫn chưa triệt để.

- Hiệu quả và hiệu lực quản lý, kiểm soát ô nhiễm chưa cao. Việc phân cấp quản lý môi trường đã được thực hiện theo Luật, nhưng việc quản lý, kiểm tra vẫn chưa bao quát hết các cơ sở sản xuất kinh doanh trên toàn địa bàn, chủ yếu tập trung các cơ sở có quy mô lớn; những cơ sở quy mô nhỏ lẻ, hộ gia đình, hoạt động chăn nuôi,... chưa được kiểm soát, nhiều cơ sở đã đi vào hoạt động nhưng chưa có hồ sơ môi trường. Trong khi đó, các cơ sở này chiếm số lượng lớn, phân bố trên diện rộng, nên nguồn ô nhiễm cũng phân bố rộng, gây ô nhiễm nhưng khó kiểm soát, xử lý. Công tác xử lý ô nhiễm tại các làng nghề chưa được triển khai triệt để. Việc xử phạt các cơ sở vi phạm vẫn còn nương nhẹ nên việc khắc phục, xử lý ô nhiễm của các cơ sở vi phạm vẫn còn kéo dài và không triệt để.

- Công tác quản lý – bảo vệ môi trường của địa phương còn theo sự vụ, chưa có quy hoạch tổng thể, làm cơ sở cho các quy hoạch phát triển khác; công tác phối hợp giữa các đơn vị liên quan chưa được thực hiện tốt.

- Chưa xây dựng hệ cơ sở dữ liệu lưu trữ thông tin quan trắc và cơ chế công khai thông tin môi trường. Công tác dự báo và cảnh báo ô nhiễm môi trường còn hạn chế do thiếu vật lực, các công cụ tính toán hỗ trợ và hạn chế về năng lực cán bộ.

2. Nguyên nhân của sự tồn tại, hạn chế

- Nhiều văn bản hướng dẫn dưới Luật chưa kịp thời, cụ thể; một số lĩnh vực thiếu các văn bản quy định và hướng dẫn nên đôi lúc triển khai công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường gặp khó khăn.

- Nguồn lực của địa phương còn khó khăn nên kinh phí dành cho bảo vệ môi trường còn hạn chế. Điều kiện của tỉnh xa các trung tâm lớn nên việc tiếp cận các kết quả nghiên cứu ứng dụng về môi trường bị hạn chế.

III. GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Các giải pháp, kế hoạch

- Từ nay đến năm 2020:

Triển khai ứng dụng các phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu quan trắc, dữ liệu nguồn thải hàng năm, phần mềm quản lý dữ liệu quan trắc tự động nguồn thải và tăng cường công tác dự báo diễn biến chất lượng môi trường.

Các quy hoạch phát triển của các ngành phải gắn với BVMT, đặc biệt là ngành nông nghiệp trong các lĩnh vực: chăn nuôi, nuôi trồng và chế biến thủy sản, quy hoạch khu vực nuôi chim yến,...

Chứng nhận hoàn thành xử lý ô nhiễm triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn tỉnh.

Phấn đấu đến năm 2020 có 80% chất thải sinh hoạt khu vực nông thôn được thu gom và xử lý đảm bảo, xây dựng 02 bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt hợp vệ sinh; 02 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung tại địa phương; 70% cụm công nghiệp đang hoạt động được đầu tư hệ thống xử lý nước thải đảm bảo tiêu chuẩn.

- Từ năm 2021 đến năm 2030:

Từng bước di dời hoàn toàn các cơ sở sản xuất kinh doanh trong khu dân cư vào Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, hạn chế các trường hợp bố trí địa điểm thực hiện dự án ngoài khu/cụm công nghiệp.

Quản lý dữ liệu về môi trường theo dạng phần mềm, kết nối với dữ liệu về quản lý môi trường, nguồn thải của địa phương trên toàn quốc; bố trí các phương tiện cảnh báo, dự báo để đánh giá khả năng lan truyền ô nhiễm môi trường trên toàn quốc.

2. Các kiến nghị

- Bộ Tài nguyên và Môi trường sớm ban hành quy định về hướng dẫn chứng nhận hoàn thành xử lý ô nhiễm triệt để cho các cơ sở gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng để địa phương sớm có cơ sở hướng dẫn cho doanh nghiệp.

- Kiến nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường giảm bớt các loại báo cáo về ngành môi trường và có sự tổng hợp thành báo cáo chung để xuyên suốt các nội dung về môi trường trong năm.

- Điều chỉnh sửa đổi tần suất lập báo cáo và việc Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận doanh nghiệp thực hiện báo cáo kết quả quan trắc theo Thông tư 43/2015/TT-BTNMT: số liệu quan trắc của doanh nghiệp chỉ cần lưu trữ tại cơ sở. Vì thời gian qua việc quan trắc do phải gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường nên các số liệu chưa phản ánh đúng thực tế sản xuất của đơn vị.

- Hỗ trợ, tăng cường năng lực, kinh phí và trang bị các phương tiện kỹ thuật cần thiết phòng ngừa, ứng cứu sự cố môi trường, đặc biệt là sự cố tràn dầu, sự cố hóa chất, vấn đề môi trường tại các làng nghề truyền thống (tinh bột sắn, tái chế đúc kim loại, chế biến nước mắm,...).

- Xây dựng, ban hành chính sách xã hội hóa theo hướng đẩy mạnh các nhà đầu tư trong lĩnh vực bảo vệ môi trường liên quan đến xử lý chất thải rắn, xử lý nước thải sinh hoạt đô thị, và khuyến khích, ưu đãi đối với các hoạt động trên.